

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động điện lực và sử dụng điện
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng điện tiết kiệm hiệu quả;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Thông tư số 32/2010/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ Công Thương Quy định hệ thống điện phân phối;

Căn cứ Thông tư số 34/2010/TT-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

Căn cứ Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Công Thương Quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện;

Căn cứ Thông tư số 33/2014/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động điện lực và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1219/2011/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy chế Quản lý nhà nước về điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 282/2011/QĐ-UBND ngày 28/02/2011 của UBND tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy chế bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc Công ty Điện lực Cao Bằng, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng Công ty Điện Lực miền Bắc;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- CV: CN, GT, XD, NĐ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CN(V).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động điện lực và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **27** /2015/QĐ-UBND ngày **31** tháng **8** năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý hoạt động điện lực và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

b) Quy định này phân cấp, phân công trách nhiệm giữa các cấp, các ngành trong quản lý hoạt động điện lực và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có tham gia hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến điện lực trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Các hành vi bị nghiêm cấm

Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến điện lực tại tỉnh Cao Bằng quy định tại Điều 7 Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Điều 4 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Chỉ đạo, tổ chức thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm biến áp 110kV, chương trình, kế hoạch, dự án thúc đẩy sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, quản lý nhu cầu điện.

Điều 4. Các sở, ngành

1. Sở Công Thương

a) Cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh về quản lý nhà nước hoạt động điện lực, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp, an toàn điện, an toàn đập thủy điện;

c) Tổ chức lập Quy hoạch phát triển điện lực, công bố, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực đã được phê duyệt. Tổng hợp, báo cáo định kỳ về tình hình triển khai Quy hoạch phát triển điện lực;

d) Tổ chức, lập quy hoạch thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh, công bố, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch phát triển thủy điện đã được phê duyệt. Tổng hợp, báo cáo định kỳ về tình hình triển khai Quy hoạch thủy điện;

đ) Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức và chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện;

e) Phối hợp với các sở, ngành chức năng kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các chủ đầu tư và Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, cân đối vốn đầu tư phát triển điện lực hàng năm, trung hạn 5 năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch kinh phí ngân sách trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện các chương trình, mục tiêu về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cho các công trình điện trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với chủ đầu tư các dự án nhà máy thủy điện, đường dây và trạm biến áp giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, bồi thường về đất đai.

5. Sở Xây dựng

Quản lý và cấp giấy phép cho các công trình điện khi cải tạo và phát triển mới lưới điện ở đô thị theo quy định tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 5. UBND các huyện, thành phố

1. Tổ chức, triển khai, thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

2. Tổ chức quản lý đầu tư các dự án điện được phân cấp theo quy định của pháp luật.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện, sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và an toàn.

4. Kiểm tra theo thẩm quyền việc chấp hành pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

5. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động điện lực và sử dụng điện theo thẩm quyền.

6. Chủ trì thực hiện việc giải phóng mặt bằng để thi công các công trình điện trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định.

7. Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố có trách nhiệm:

a) Tham mưu cho UBND huyện, UBND thành phố thực hiện các nội dung Quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 5 của Quy định này;

b) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Công Thương. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về an toàn điện cho Sở Công Thương.

Điều 6. UBND các xã, phường, thị trấn

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai đầu tư xây dựng các công trình điện trên địa bàn.

2. Tổ chức thực hiện chỉ đạo của cấp trên về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

3. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện, sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và an toàn.

4. Phối hợp với cơ quan cấp trên, điện lực các huyện, thành phố kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

5. Phối hợp, hỗ trợ các chủ đầu tư trong việc giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án điện.

6. Thực hiện báo cáo đột xuất về an toàn điện cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quy định.

Chương III

QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC

Điều 7. Nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực

Nội dung, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực và Thông tư số 33/2014/TT-BCT ngày 10/10/2014 của Bộ Công Thương Quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng.

Điều 8. Đầu tư phát triển điện lực

1. Đầu tư phát triển điện lực phải phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực. Các dự án đầu tư phát triển điện lực chỉ được triển khai thực hiện khi có trong danh mục quy hoạch phát triển điện lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chỉ có những dự án điện nằm trong danh mục dự án thuộc quy hoạch được duyệt mới được phép đấu nối vào hệ thống điện quốc gia.

3. Các dự án đầu tư nguồn và lưới điện khi chưa được bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực không được phép triển khai đầu tư.

Điều 9. Kinh phí cho lập quy hoạch

Trên cơ sở đề cương Quy hoạch phát triển lưới điện được phê duyệt Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính đăng ký kinh phí cho công tác lập Quy hoạch phát triển lưới điện từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo chu kỳ 10 năm, lập bổ sung Quy hoạch phát triển lưới điện theo chu kỳ 5 năm.

Điều 10. Sử dụng đất cho công trình điện lực

1. Căn cứ vào Quy hoạch phát triển lưới điện được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch sử dụng đất cho công trình trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất cho công trình điện lực đã được phê duyệt, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm bố trí đất cho các công trình điện lực.

Chương IV

QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN THUY ĐIỆN VÀ VẬN HÀNH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUY ĐIỆN

Điều 11. Nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, phê duyệt Quy hoạch thủy điện

Nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thủy điện theo quy định Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện.

Điều 12. Đầu tư phát triển thủy điện

1. Đầu tư phát triển thủy điện phải phù hợp với Quy hoạch thủy điện đã được phê duyệt và Quy hoạch điện lực tỉnh.

2. Các dự án thủy điện chỉ được triển khai thực hiện khi có trong danh mục Quy hoạch phát triển thủy điện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Quản lý vận hành khai thác công trình thủy điện

1. Các dự án thủy điện sau khi xây dựng xong trước khi đưa vào vận hành thương mại phải có:

- a) Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- b) Giấy phép hoạt động điện lực do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Đập thủy điện phải được kiểm định lần đầu và các lần tiếp theo, thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 34/2010/TT-BCT ngày 07/10/2010 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện.

Chương V

TIẾT KIỆM TRONG PHÁT ĐIỆN, TRUYỀN TẢI, PHÂN PHỐI ĐIỆN

Điều 14. Biện pháp khuyến khích, thúc đẩy tiết kiệm điện

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Công ty Điện lực Cao Bằng xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp thúc đẩy sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và quản lý nhu cầu điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai, thực hiện chương trình, kế hoạch thúc đẩy sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 15. Tiết kiệm trong sử dụng điện

1. Sở Công Thương kiểm tra, giám sát và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện, sử dụng được hiệu quả của các nhóm khách hàng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Công ty Điện lực Cao Bằng:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch của chương trình quản lý nhu cầu điện đã được UBND tỉnh phê duyệt;

b) Tư vấn cho khách hàng sử dụng điện trong việc áp dụng các giải pháp bù công suất phản kháng nhằm nâng cao hệ số công suất ($\cos\phi$) trong khu vực sản xuất công nghiệp, nơi mà công suất phản kháng (công suất vô công) trong lưới được tiêu thụ chủ yếu ở các mô tơ truyền động trong các nhà máy, dây chuyền sản xuất để giảm tổn thất điện năng tăng hiệu quả sử dụng điện;

c) Báo cáo Sở Công Thương kết quả thực hiện các kế hoạch quản lý nhu cầu điện.

Điều 16. Trách nhiệm sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả của các đơn vị, tổ chức và cá nhân

1. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, hội nghề nghiệp, UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế sử dụng điện tiết kiệm trong cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 111/2009/TTLT/ BTC-BCT ngày 01/6/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Khách hàng sử dụng điện có trách nhiệm tham gia thực hiện các nội dung trong chương trình về quản lý nhu cầu điện đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chương VI

BẢO VỆ TRANG THIẾT BỊ ĐIỆN, CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC VÀ AN TOÀN ĐIỆN

Điều 17. Trách nhiệm bảo vệ thiết bị điện và an toàn điện

1. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, hội nghề nghiệp, UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Điện lực các huyện, Điện lực thành phố Cao Bằng:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và hướng dẫn nhân dân về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, sử dụng điện an toàn;

b) Tổ chức kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn.

Điều 18. Trách nhiệm báo cáo về tai nạn điện

Các đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thống kê, theo dõi tai nạn điện, các vi phạm đối với hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trong phạm vi quản lý và báo cáo Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố, cơ quan cấp trên theo định kỳ 6 tháng, hàng năm; trường hợp xảy ra tai nạn điện phải báo cáo nhanh cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố, cơ quan cấp trên trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra tai nạn điện.

Điều 19. Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp

1. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân tự ý sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp để bảo vệ tài sản của mình, bẫy chim, bẫy chuột, bảo vệ hoa màu hoặc phục vụ các mục đích khác gây nguy hiểm cho người, động vật, môi trường sống.

2. Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp chỉ được thực hiện khi sử dụng các biện pháp bảo vệ khác không hiệu quả và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Người quản lý, sử dụng hàng rào điện phải được đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ về điện. Phải thực hiện theo Điều 59 của Luật Điện lực và Quyết định số 07/2006/QĐ-BCN ngày 11/4/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và điều kiện sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp.

Điều 20. An toàn điện

Huấn luyện an toàn, xếp bậc và cấp thẻ an toàn điện; nối đất kết cấu kim loại của nhà ở, công trình trong và liền kề hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không đối với điện áp từ 220 kV trở lên phòng tránh điện cảm ứng; biển báo an toàn điện; thoả thuận khi xây dựng nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, chế độ báo cáo tai nạn điện và các vi phạm đối với hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp theo quy định Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

Chương VII

CHÍNH SÁCH VỀ ĐIỆN

Điều 21. Đối tượng được hỗ trợ chính sách về đầu tư phát triển điện

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc hộ gia đình đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới sẽ được nhà nước hỗ trợ vốn đầu tư, hỗ trợ về lãi suất vốn đầu tư, ưu đãi về thuế theo quy định Thông tư số 97/2008/TT-BTC ngày 28/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với việc đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, hải đảo.

Điều 22. Giá bán điện ở nông thôn, miền núi và biên giới

1. Giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới ở khu vực đã nối lưới điện Quốc gia theo quy định của Bộ Công Thương.

2. Giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới ở khu vực chưa nối lưới điện Quốc gia:

a) Giá bán lẻ điện sinh hoạt do đơn vị điện lực có liên quan xây dựng trình Sở Công Thương, đồng thời gửi Sở Tài chính thẩm định, sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, Sở Công Thương tổng hợp và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với cơ chế hỗ trợ giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt tại khu vực do Thủ tướng Chính phủ quy định;

b) Các loại giá điện khác do đơn vị điện lực liên quan xây dựng trình Sở Công Thương, đồng thời gửi Sở Tài chính thẩm định, sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, Sở Công Thương tổng hợp và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy tắc bảo đảm bù đắp bù chi phí, có lợi nhuận hợp lý cho đơn vị điện lực trên cơ sở tham khảo ý kiến của cơ quan Điều tiết điện lực.

Điều 23. Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội

1. Các tiêu chí về hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện thực hiện theo Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện.

2. Các cấp, các ngành có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thực hiện theo quy định tại Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

Chương VIII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm thực hiện theo Quy định này và các quy định hiện hành khác của pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

2. Các sở, ngành, các đơn vị điện lực trong phạm vi quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng và trường học tổ chức, phổ biến, giáo dục, hướng dẫn nhân dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định khác của pháp luật về điện lực.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hội nghề nghiệp trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với Sở Công Thương cùng tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành nghiêm các quy định khác của pháp luật về điện lực.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp với Sở Công Thương thường xuyên, tuyên truyền về Quy định này để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

5. Sở Công Thương Cao Bằng chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và thực hiện Quy định quản lý hoạt động điện lực và sử dụng điện trên phạm vi tỉnh Cao Bằng. Trong quá trình thực hiện nếu có ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân phản ánh, Sở Công Thương chịu trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. ↵

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh